

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định, bảo trì các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động y tế dự phòng và phòng chống dịch thuộc nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh

Kính gửi: Các nhà cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định, bảo trì trang thiết bị tại Việt Nam

Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá dự toán làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho dự toán mua sắm: Cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định, bảo trì các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động y tế dự phòng và phòng chống dịch thuộc nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh. Viện kính mời các nhà cung cấp quan tâm báo giá các dịch vụ với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh - Địa chỉ: Số 167 Pasteur, Phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ tên người tiếp nhận báo giá: Lê Thị Kiều Oanh
- Chức vụ: Nhân viên - Phòng Vật tư-Thiết bị y tế
- Số điện thoại: 0393100100
- Email: oanhltk@pasteurhcm.edu.vn

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư-Thiết bị y tế - Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh - Địa chỉ: Số 167 Pasteur, Phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Trước 17h00 ngày 15 tháng 08 năm 2025.

(Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét)

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 15 tháng 08 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục chi tiết: Theo Phụ lục 01 đính kèm.

2. Địa điểm cung cấp dịch vụ: Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh – Số 167 Pasteur, Phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh.

3. Biểu mẫu báo giá (để nhà cung cấp tham khảo): *Theo Phụ lục 02 đính kèm.*

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Viện trưởng (để b/c);
- PVT Đinh Xuân Thành (để p/h chỉ đạo);
- Phòng HCQT (CNTT) (để thực hiện);
- Lưu: VT, VTTBYT.

**TL. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG
VẬT TƯ – THIẾT BỊ Y TẾ**

Lê Việt Hà

Phụ lục 01
BẢNG DANH MỤC, SỐ LƯỢNG, YÊU CẦU KỸ THUẬT
Dự toán mua sắm: Cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định, bảo trì
các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động y tế dự phòng và phòng chống dịch
thuộc nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh
(Kèm theo Công văn số /PAS-VTTBYT ngày tháng năm 2025 của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh)

Stt	Tên thiết bị	MSKK	Model	Số Serial	Đặc điểm và tính năng kỹ thuật của thiết bị	Nội dung yêu cầu thực hiện dịch vụ		ĐVT	Số lượng	Khoa/Phòng/ Trung tâm đề xuất
						Dịch vụ	Nội dung thực hiện dịch vụ			
1	Hệ thống realtime PCR	1196511 P40010			Các dải nhiệt độ và các kênh màu quang học	Hiệu chuẩn	Vệ sinh block nhiệt Kiểm tra nhiệt độ nắp nhiệt tại 105° C Kiểm tra nhiệt độ block gia nhiệt tại 50° C, 55° C, 60° C, 72° C, 95° C Hiệu chuẩn tín hiệu nền và tín hiệu 4 kênh màu (Dye)	Cái	1	VSMD-ARBO
2	Kính hiển vi				220v	Bảo trì	Thực hiện và điều chỉnh theo tính năng của hãng sản xuất. Vệ sinh thấu kính, xử lý mốc, kiểm tra ánh sáng, cân chỉnh sau khi vệ sinh	Cái	2	VSMD-ARBO
3	Máy luân nhiệt	1226535 P40003			220÷240v, 50Hz, 500w	Hiệu chuẩn	Hiệu chuẩn nhiệt theo yêu cầu của Viện	Cái	1	VSMD-ARBO
4	Máy luân nhiệt	1226535 P40004			220÷240v, 50Hz, 500w	Hiệu chuẩn	Hiệu chuẩn nhiệt theo yêu cầu của Viện	Cái	1	VSMD-ARBO
5	Máy ủ nhiệt ELISA	2445.A R			220÷240v	Hiệu chuẩn	Hiệu chuẩn tại mức nhiệt độ đang được sử dụng	Cái	1	VSMD-ARBO
6	Nhiệt kế rượu					Hiệu chuẩn	Hiệu chuẩn tại 3 mức nhiệt độ tùy yêu cầu của viện	Cây	3	VSMD-ARBO
7	Nhiệt kế thủy ngân					Hiệu chuẩn	Hiệu chuẩn tại 3 mức nhiệt độ tùy yêu cầu của viện	Cây	2	VSMD-ARBO

Stt	Tên thiết bị	MSKK	Model	Số Serial	Đặc điểm và tính năng kỹ thuật của thiết bị	Nội dung yêu cầu thực hiện dịch vụ		ĐVT	Số lượng	Khoa/Phòng/Trung tâm đề xuất
						Dịch vụ	Nội dung thực hiện dịch vụ			
8	Máy Realtime PCR	8075-VRĐR	7500 Fast		- Nguồn sáng kích thích: Đèn Tungsten-Halogen - Hệ thống sử dụng phương pháp huỳnh quang 5 màu	Hiệu chuẩn	- Hiệu chuẩn nhiệt - Hiệu chuẩn quang các kênh màu	Cái	1	VSMD-VRĐR
9	Máy luân nhiệt ProS	3593-VRĐR	6325		96 vị trí cho ống PCR 0.2ml Dải nhiệt độ : 4°C - 99°C	Hiệu chuẩn và Bảo trì	1. HIỆU CHUẨN: Độ chính xác nhiệt độ tại các điểm nhiệt đặc trưng hoạt động 4°C, 55°C, 65°C, 72°C, 95°C và tại tất cả các vị trí giếng 2. BẢO TRÌ: + Vệ sinh toàn bộ bên ngoài thiết bị. + Kiểm tra bàn phím bằng chương trình test + Kiểm tra hiển thị của màn hình + Kiểm tra quạt làm mát bằng chương trình service, làm sạch + Vệ sinh bụi và bản nắp nhiệt + Vệ sinh bụi và bản từng giếng để mẫu trên block nhiệt + Hiệu chuẩn nhiệt độ của block nhiệt + Hiệu chỉnh lại nếu Block nhiệt vượt quá sai số cho phép + Chạy kiểm tra máy lần cuối	Cái	1	VSMD-VRĐR
10	Máy luân nhiệt Flexlid	8116-VRĐR	nexus GSX1			Hiệu chuẩn và Bảo trì	1. HIỆU CHUẨN: Độ chính xác nhiệt độ tại các điểm nhiệt đặc trưng hoạt động 4°C, 55°C, 65°C, 72°C, 95°C và tại tất cả các vị trí giếng 2. BẢO TRÌ: + Vệ sinh toàn bộ bên ngoài thiết bị. + Kiểm tra bàn phím bằng chương trình test + Kiểm tra hiển thị của màn hình + Kiểm tra quạt làm mát bằng chương trình service, làm sạch + Vệ sinh bụi và bản nắp nhiệt	Cái	1	VSMD-VRĐR

Stt	Tên thiết bị	MSKK	Model	Số Serial	Đặc điểm và tính năng kỹ thuật của thiết bị	Nội dung yêu cầu thực hiện dịch vụ		ĐVT	Số lượng	Khoa/Phòng/Trung tâm đề xuất
						Dịch vụ	Nội dung thực hiện dịch vụ			
							+ Vệ sinh bụi và bẩn từng giếng để mẫu trên block nhiệt + Hiệu chuẩn nhiệt độ của block nhiệt + Hiệu chỉnh lại nếu Block nhiệt vượt quá sai số cho phép + Chạy kiểm tra máy lần cuối			
11	Máy luân nhiệt Master cycler	3538-VRĐR	5331			Hiệu chuẩn và Bảo trì	1. HIỆU CHUẨN: Độ chính xác nhiệt độ tại các điểm nhiệt đặc trưng hoạt động 4°C, 55°C, 65°C, 72°C, 95°C và tại tất cả các vị trí giếng 2. BẢO TRÌ: + Vệ sinh toàn bộ bên ngoài thiết bị. + Kiểm tra bàn phím bằng chương trình test + Kiểm tra hiển thị của màn hình + Kiểm tra quạt làm mát bằng chương trình service, làm sạch + Vệ sinh bụi và bẩn nắp nhiệt + Vệ sinh bụi và bẩn từng giếng để mẫu trên block nhiệt + Hiệu chuẩn nhiệt độ của block nhiệt + Hiệu chỉnh lại nếu Block nhiệt vượt quá sai số cho phép + Chạy kiểm tra máy lần cuối	Cái	1	VSMD-VRĐR
12	Kính hiển vi	624-VRĐR	CK2		220-240v	Bảo trì	Thực hiện và điều chỉnh theo tính năng của hãng sản xuất. Vệ sinh thấu kính, xử lý mốc, kiểm tra ánh sáng, cân chỉnh sau khi vệ sinh	Cái	2	VSMD-VRĐR
13	Kính hiển vi	3259-VRĐR	TMS-F; TS100		230v, 50HZ	Bảo trì	Thực hiện và điều chỉnh theo tính năng của hãng sản xuất. Vệ sinh thấu kính, xử lý mốc, kiểm tra ánh sáng, cân chỉnh sau khi vệ sinh	Cái	2	VSMD-VRĐR

Stt	Tên thiết bị	MSKK	Model	Số Serial	Đặc điểm và tính năng kỹ thuật của thiết bị	Nội dung yêu cầu thực hiện dịch vụ		ĐVT	Số lượng	Khoa/Phòng/Trung tâm đề xuất
						Dịch vụ	Nội dung thực hiện dịch vụ			
14	Tủ đông sâu (-30°C)	3638-VRĐR	MDF-436		- Tủ loại nằm, 3 ngăn - Dung tích: 426 lít - Thang cài đặt nhiệt độ từ: -20°C đến -35°C	Bảo trì	Kiểm tra, bảo trì hệ thống làm lạnh khoang máy nén.	Cái	1	VSMD-VRĐR
15	Tủ âm (-30°C)	4578-VRĐR	LDF 370W		- Tủ loại đứng, 4 ngăn - Dung tích: 370 lít - Thang cài đặt nhiệt độ từ: -15°C đến -30°C	Bảo trì	Kiểm tra, bảo trì hệ thống làm lạnh khoang máy nén.	Cái	1	VSMD-VRĐR
16	Tủ âm (-30°C)	8141-VRĐR	UPUL-540		- Tủ loại đứng, 43 ngăn - Dung tích: 450 lít - Thang cài đặt nhiệt độ từ: -20oC đến -40°C	Bảo trì	Kiểm tra, bảo trì hệ thống làm lạnh khoang máy nén.	Cái	1	VSMD-VRĐR
17	Tủ đông sâu SANYO (U5386)	3376-VRĐR	MDF-U5386		- Tủ loại đứng, 4 ngăn - Thể tích: 728 lít - Thang nhiệt độ: -50°C đến -86°C	Bảo trì	Kiểm tra, bảo trì hệ thống làm lạnh khoang máy nén.	Cái	1	VSMD-VRĐR
18	Tủ âm sâu (-86°C)	1177019 H40027	MDF-U74V-PE		- Tủ loại đứng, 4 ngăn - Thể tích: 728 lít - Thang nhiệt độ: -50°C đến -86°C	Bảo trì	Kiểm tra, bảo trì hệ thống làm lạnh khoang máy nén.	Cái	1	VSMD-VRĐR
19	Tủ đông sâu Sanyo MDF-U73	3653-VRĐR	MDF-U73V		- Tủ loại đứng, 4 ngăn - Thể tích: 728 lít - Thang nhiệt độ: -50°C đến -86°C	Bảo trì	Kiểm tra, bảo trì hệ thống làm lạnh khoang máy nén.	Cái	1	VSMD-VRĐR
20	Tủ đông sâu	8195-VRĐR	5907		- Tủ loại đứng, 4 ngăn - Thể tích: 793 lít - Thang nhiệt độ: -50°C đến -86°C	Bảo trì	Kiểm tra, bảo trì hệ thống làm lạnh khoang máy nén.	Cái	1	VSMD-VRĐR

Stt	Tên thiết bị	MSKK	Model	Số Serial	Đặc điểm và tính năng kỹ thuật của thiết bị	Nội dung yêu cầu thực hiện dịch vụ		ĐVT	Số lượng	Khoa/Phòng/ Trung tâm đề xuất
						Dịch vụ	Nội dung thực hiện dịch vụ			
21	Hệ thống đọc điện di	4056-VRĐR	Quantum ST4 1100		220v - 240v, 50Hz	Bảo trì	- Kiểm tra, vệ sinh, cân chỉnh hệ thống camera và quang học gồm: đèn chiếu sáng, đèn UV. - Kiểm tra các kết nối hệ thống với máy. - Kiểm tra phần mềm, cân chỉnh thông số kỹ thuật.	Cái	1	VSMD-VRĐR
22	Nhiệt kế thủy ngân				(-20°C) đến 110°C	Hiệu chuẩn	Hiệu chuẩn tại các điểm nhiệt: (-10°C); 4°C; 36°C	Cái	5	VSMD-VRĐR
23	Máy realtime PCR (LightCycler 480 II, hãng Roche)	8073-VRHH				Bảo trì	Bảo trì của nhà sản xuất: - Kiểm tra tình trạng máy. - Kiểm tra lock nhiệt.	Cái	1	VSMD-VRHH
24	Máy đọc ELISA (hãng BioTek)	8194-VRHH				Hiệu chuẩn	Hiệu chuẩn tại bước sóng 405nm, 620nm	Cái	1	VSMD-VRHH
25	Máy rửa ELISA ((hãng BioTek)	8197-VRHH				Bảo trì	Kiểm tra kim rửa	Cái	1	VSMD-VRHH
26	Máy PCR (ProFlex PCR System, hãng ABI)					Hiệu chuẩn	Hiệu chuẩn block nhiệt ở 50° C, 60° C, 95° C.	Cái	1	VSMD-VRHH
27	Máy PCR (Eppendorf AG, hãng Eppendorf)					Hiệu chuẩn	Hiệu chuẩn block nhiệt ở 50° C, 60° C, 95° C.	Cái	1	VSMD-VRHH

Stt	Tên thiết bị	MSKK	Model	Số Serial	Đặc điểm và tính năng kỹ thuật của thiết bị	Nội dung yêu cầu thực hiện dịch vụ		ĐVT	Số lượng	Khoa/Phòng/Trung tâm đề xuất
						Dịch vụ	Nội dung thực hiện dịch vụ			
28	Nhiệt kế thủy ngân					Hiệu chuẩn	Hiệu chuẩn từ (-80° C) đến 40° C	Cái	20	VSMD-VRHH
29	Máy đo PH	1166911 G20081	X33486		Đo pH môi trường	Hiệu chuẩn	Hiệu chuẩn tại giá trị pH 4,5 - pH 8,0	Cái	1	VSMD-VK3
30	Kính hiển vi nền đen	1478-1 VK			Nền đen soi leptospira sống	Hiệu chuẩn	Nền đen soi leptospira sống được rõ nét	Cái	1	VSMD-VK3
31	Máy đo pH để bàn	1196811 G20028				Hiệu chuẩn	Hiệu chuẩn tại giá trị pH: 0-14	Cái	1	VSMD-VK2 (VKHH)
32	Kính hiển vi				10X - 100X	Bảo trì	Thực hiện và điều chỉnh theo tính năng của hãng sản xuất. Vệ sinh thấu kính, xử lý mốc, kiểm tra ánh sáng, cân chỉnh sau khi vệ sinh	Cái	2	VSMD-VK2 (VKHH)
33	Tủ lạnh sâu (-30° C)	3032	MDF-U537D		MDF-U537D, Sanyo	Bảo trì	- Bảo trì an toàn điện - Vệ sinh bộ phận giải nhiệt - Kiểm tra hệ thống làm lạnh	Cái	1	VSMD-VK1 (VKĐR)
34	Tủ (-20° C)	3454			JP Selecta	Bảo trì	- Bảo trì an toàn điện - Vệ sinh bộ phận giải nhiệt - Kiểm tra hệ thống làm lạnh	Cái	1	VSMD-VK1 (VKĐR)
35	Tủ lạnh đông sâu nằm (-80° C)	1206749 H40029			MDF-U54V-PE, PHC, dung tích 519 lít	Bảo trì	- Bảo trì an toàn điện - Vệ sinh bộ phận giải nhiệt - Kiểm tra hệ thống làm lạnh	Cái	1	VSMD-VK1 (VKĐR)
36	Tủ âm sâu (-85° C)	3655			MDP-U73V, Sanyo	Bảo trì	- Bảo trì an toàn điện - Vệ sinh bộ phận giải nhiệt - Kiểm tra hệ thống làm lạnh	Cái	1	VSMD-VK1 (VKĐR)

Stt	Tên thiết bị	MSKK	Model	Số Serial	Đặc điểm và tính năng kỹ thuật của thiết bị	Nội dung yêu cầu thực hiện dịch vụ		ĐVT	Số lượng	Khoa/Phòng/Trung tâm đề xuất
						Dịch vụ	Nội dung thực hiện dịch vụ			
37	Tủ âm sâu âm (-86° C)	3504			MDP-U73V, Sanyo	Bảo trì	- Bảo trì an toàn điện - Vệ sinh bộ phận giải nhiệt - Kiểm tra hệ thống làm lạnh	Cái	1	VSMD-VK1 (VKĐR)
38	Tủ (-30° C)	8164			MDF U443, Panasonic, dung tích 426 lít	Bảo trì	+ Bảo trì an toàn điện + Vệ sinh bộ phận giải nhiệt + Kiểm tra hệ thống làm lạnh	Cái	1	VSMD-VK1 (VKĐR)
39	Tủ đông sâu (-86° C)	1166711 H40060		15110 281	MDF-U500VX-PB, Panasonic	Bảo trì	- Bảo trì an toàn điện - Vệ sinh bộ phận giải nhiệt - Kiểm tra hệ thống làm lạnh	Cái	1	VSMD-VK1 (VKĐR)
40	Tủ đông sâu (-86° C)	1166711 H40061		15090 187	MDF-U500VX-PB, Panasonic	Bảo trì	+ Bảo trì an toàn điện + Vệ sinh bộ phận giải nhiệt + Kiểm tra hệ thống làm lạnh	Cái	1	VSMD-VK1 (VKĐR)
41	Tủ đông sâu (-86° C)	1166711 H40062		11667 11H40 062	MDF-U500VX-PB, Panasonic	Bảo trì	- Bảo trì an toàn điện - Vệ sinh bộ phận giải nhiệt - Kiểm tra hệ thống làm lạnh	Cái	1	VSMD-VK1 (VKĐR)
42	Tủ mát 2°C - 8°C	1216711 H30041	MPR-S313-PK		BLCRF 370W Dải nhiệt độ: 2°C đến 8°C	Bảo trì	+ Bảo trì an toàn điện + Vệ sinh bộ phận giải nhiệt + Kiểm tra hệ thống làm lạnh	Cái	1	VSMD-VK1 (VKĐR)
43	Tủ mát 2°C - 8°C	1216711 H30040	MPR-S313-PK		BLCRF 370W Dải nhiệt độ: 2°C đến 8°C	Bảo trì	- Bảo trì an toàn điện - Vệ sinh bộ phận giải nhiệt - Kiểm tra hệ thống làm lạnh	Cái	1	VSMD-VK1 (VKĐR)
44	Tủ lạnh	8079	REL2304D		Tủ lạnh 1 cửa nhỏ vừa SN: 294755198	Bảo trì	- Bảo trì an toàn điện - Vệ sinh bộ phận giải nhiệt - Kiểm tra hệ thống làm lạnh	Cái	1	VSMD-VK1 (VKĐR)
45	Máy ly tâm lạnh	3483	Z216MK		Máy ly tâm lạnh cỡ nhỏ để bàn Thể tích 370 lít	Bảo trì	Bảo trì hệ thống làm lạnh, roto	Cái	1	VSMD-VK1 (VKĐR)

Stt	Tên thiết bị	MSKK	Model	Số Serial	Đặc điểm và tính năng kỹ thuật của thiết bị	Nội dung yêu cầu thực hiện dịch vụ		ĐVT	Số lượng	Khoa/Phòng/Trung tâm đề xuất
						Dịch vụ	Nội dung thực hiện dịch vụ			
46	Máy ly tâm lạnh	3621 (3616/V K1 +3621/V)	5804R		MPR-S313-PK, PHC Corporation	Bảo trì	Bảo trì hệ thống làm lạnh, roto	Cái	1	VSMD-VK1 (VKĐR)
47	Kính hiển vi	1676			Zeissaxiolab	Bảo trì	Thực hiện và điều chỉnh theo tính năng của hãng sản xuất. Vệ sinh thấu kính, xử lý mốc, kiểm tra ánh sáng, cân chỉnh sau khi vệ sinh	Cái	1	VSMD-VK1 (VKĐR)
48	Kính hiển vi	3494			Microsystems AXR 31	Bảo trì	Thực hiện và điều chỉnh theo tính năng của hãng sản xuất. Vệ sinh thấu kính, xử lý mốc, kiểm tra ánh sáng, cân chỉnh sau khi vệ sinh	Cái	1	VSMD-VK1 (VKĐR)
49	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	3429			Kính hiển vi sinh học 2 mắt AXL	Bảo trì	Thực hiện và điều chỉnh theo tính năng của hãng sản xuất. Vệ sinh thấu kính, xử lý mốc, kiểm tra ánh sáng, cân chỉnh sau khi vệ sinh	Cái	1	VSMD-VK1 (VKĐR)
50	Nhiệt kế rượu				2-8oC	Hiệu chuẩn	Hiệu chuẩn mức nhiệt tại: 2°C, 8°C, 35°C	Cái	2	VSMD-VK1 (VKĐR)
51	Máy đo độ đục	4530			Máy đo độ đục (OD)-Den-1B	Hiệu chuẩn	Đo McFarland 0.5; 1.0	Cái	1	VSMD-VK1 (VKĐR)
52	Thước đo Caliper					Hiệu chuẩn	Đo độ dài 5-50mm	Cái	1	VSMD-VK1 (VKĐR)
53	Máy điện di DNA	1196711 P70027				Bảo trì	- Bảo trì an toàn điện - Kiểm tra dòng điện hoạt động điện di	Cái	1	VSMD-VK1 (VKĐR)
54	Máy điện di ngang	1216711 P70015	MSCHOIC E15			Bảo trì	- Bảo trì an toàn điện - Kiểm tra dòng điện hoạt động điện di	Cái	1	VSMD-VK1 (VKĐR)

Stt	Tên thiết bị	MSKK	Model	Số Serial	Đặc điểm và tính năng kỹ thuật của thiết bị	Nội dung yêu cầu thực hiện dịch vụ		ĐVT	Số lượng	Khoa/Phòng/Trung tâm đề xuất
						Dịch vụ	Nội dung thực hiện dịch vụ			
			multiSUB Choice+NanoPac500							
55	Máy real-time PCR (Eppendorf)	3586/S HPT	Realplex 4 epGradient			Hiệu chuẩn	Hiệu chuẩn màu và hiệu chuẩn nhiệt	Cái	1	VSMD-STI
56	Máy real-time PCR Light Cycller 480 (Roche)	4161/HI V-AIDS	050152780 01 (Cat. Number)			Hiệu chuẩn	Hiệu chuẩn màu và hiệu chuẩn nhiệt	Cái	1	VSMD-STI
57	Nhiệt kế thủy ngân					Hiệu chuẩn	Nhiệt độ Labo thường theo dõi là 56°C, 70°C, 96°C, 100°C	Cái	4	VSMD-STI
58	Tủ âm CO2		MCO-170AICUV DL-PE	20070 126	50Hz/100Amps	Hiệu chuẩn	Hiệu chuẩn CO2	Cái	1	TTKĐTBYT -BSL3 (Phòng an toàn sinh học cấp III)
59	Tủ âm CO2		MCO-170AICUV DL-PE	20070 127	50Hz/100Amps	Hiệu chuẩn	Hiệu chuẩn CO2	Cái	1	TTKĐTBYT -BSL3 (Phòng an toàn sinh học cấp III)
60	Hệ thống 48 chuồng nuôi chuột cách ly		ISOCAGE N/ISO48NFE EU	21003 242	50Hz/100Amps	Hiệu chuẩn	Hiệu chuẩn áp suất tại -30 PA	Cái	1	TTKĐTBYT -BSL3 (Phòng an toàn sinh học cấp III)

Stt	Tên thiết bị	MSKK	Model	Số Serial	Đặc điểm và tính năng kỹ thuật của thiết bị	Nội dung yêu cầu thực hiện dịch vụ		ĐVT	Số lượng	Khoa/Phòng/Trung tâm đề xuất
						Dịch vụ	Nội dung thực hiện dịch vụ			
61	Tủ ẩm CO2		MCO-170AICUV DL-PE	20070129	50Hz/100Amps	Hiệu chuẩn	Hiệu chuẩn CO2	Cái	1	TTKĐTBYT -BSL3 (Phòng an toàn sinh học cấp III)
62	Tủ ẩm CO2		MCO-170AICUV DL-PE	20070128	50Hz/100Amps	Hiệu chuẩn	Hiệu chuẩn CO2	Cái	1	TTKĐTBYT -BSL3 (Phòng an toàn sinh học cấp III)
63	Đồng hồ đo áp		Dwyer			Hiệu chuẩn	Hiệu chuẩn áp suất tại -30; -60;-90	Cái	24	TTKĐTBYT -BSL3 (Phòng an toàn sinh học cấp III)
64	Bình tiệt trùng 250 lít (Kill Tank-1) của Hệ thống xử lý nước thải			KILL2 50.072 1-01		Hiệu chuẩn	Hiệu chuẩn cảm biến nhiệt độ ruột Pt100-PLC tại 123°C Hiệu chuẩn cảm biến nhiệt độ áo Pt100-PLC tại 125°C Hiệu chuẩn cảm biến áp suất -1~5Bar-PLC	Cái	1	TTKĐTBYT -BSL3 (Phòng an toàn sinh học cấp III)
65	Bình tiệt trùng 250 lít (Kill tank-2) của Hệ thống xử lý nước thải			KILL2 50.072 1-02		Hiệu chuẩn	Hiệu chuẩn cảm biến nhiệt độ ruột Pt100-PLC tại 123°C Hiệu chuẩn cảm biến nhiệt độ áo Pt100-PLC tại 125°C Hiệu chuẩn cảm biến áp suất -1~5Bar-PLC	Cái	1	TTKĐTBYT -BSL3 (Phòng an toàn sinh học cấp III)

Stt	Tên thiết bị	MSKK	Model	Số Serial	Đặc điểm và tính năng kỹ thuật của thiết bị	Nội dung yêu cầu thực hiện dịch vụ		ĐVT	Số lượng	Khoa/Phòng/Trung tâm đề xuất
						Dịch vụ	Nội dung thực hiện dịch vụ			
66	Bộ tạo hơi 160 lít (Steam boiler 160L) của Hệ thống xử lý nước thải			STB16 0.0721 -04		Hiệu chuẩn	Hiệu chuẩn cảm biến nhiệt độ Pt100 tại 123°C	Cái	1	TTKĐTBYT -BSL3 (Phòng an toàn sinh học cấp III)
67	Hệ thống lọc RO			2908.9 5	RO500 - 500l/h - áp suất - 0.5 -15bar	Bảo trì	Kiểm tra tình trạng hệ thống hiện tại: toàn bộ hệ thống từ bảng điều khiển, hệ thống ống dây dẫn, vật liệu lọc,... - Kiểm tra chất lượng nước thành phẩm - Bảo trì bảo dưỡng hệ thống lọc, thay thế lõi lọc nếu cần thiết (Vật tư do Viện cung cấp) - Đánh giá lại các công việc đã thực hiện với Viện - Đánh giá lại quy trình bảo trì với Viện	Hệ thống	1	TTKĐTBYT -BSL3 (Phòng an toàn sinh học cấp III)
68	Cường độ UV					Hiệu chuẩn	Đo ánh sáng UV phòng	Điểm	11	TTKĐTBYT -BSL3 (Phòng an toàn sinh học cấp III)
69	Nhiệt độ					Hiệu chuẩn	Đo nhiệt độ phòng	Điểm	2	TTKĐTBYT -BSL3 (Phòng an toàn sinh học cấp III)

Stt	Tên thiết bị	MSKK	Model	Số Serial	Đặc điểm và tính năng kỹ thuật của thiết bị	Nội dung yêu cầu thực hiện dịch vụ		ĐVT	Số lượng	Khoa/Phòng/Trung tâm đề xuất
						Dịch vụ	Nội dung thực hiện dịch vụ			
70	Độ ẩm					Hiệu chuẩn	Đo độ ẩm phòng	Điểm	2	TTKĐTBYT -BSL3 (Phòng an toàn sinh học cấp III)
71	Độ ồn					Hiệu chuẩn	Đo độ ồn phòng	Điểm	2	TTKĐTBYT -BSL3 (Phòng an toàn sinh học cấp III)
72	Lưu lượng gió					Hiệu chuẩn	Đo lưu lượng gió	Điểm cấp	26	TTKĐTBYT -BSL3 (Phòng an toàn sinh học cấp III)
73	Số lần trao đổi khí					Hiệu chuẩn	Đo số lần trao đổi khí/điểm/giờ	Điểm	7	TTKĐTBYT -BSL3 (Phòng an toàn sinh học cấp III)
74	Độ kín của phòng xét nghiệm					Hiệu chuẩn	Đo độ kín của phòng	Điểm	7	TTKĐTBYT -BSL3 (Phòng an toàn sinh học cấp III)
75	Hiệu suất lọc của màn lọc HEPA					Hiệu chuẩn	Đo hiệu suất lọc của màn lọc	Cái	26	TTKĐTBYT -BSL3 (Phòng an toàn sinh học cấp III)

Stt	Tên thiết bị	MSKK	Model	Số Serial	Đặc điểm và tính năng kỹ thuật của thiết bị	Nội dung yêu cầu thực hiện dịch vụ		ĐVT	Số lượng	Khoa/Phòng/Trung tâm đề xuất
						Dịch vụ	Nội dung thực hiện dịch vụ			
76	Áp suất của phòng xét nghiệm					Hiệu chuẩn	Đo độ chênh áp suất phòng	Điểm	7	TTKĐTBYT -BSL3 (Phòng an toàn sinh học cấp III)
77	Lò hấp 2 cửa					Kiểm định	Kiểm định an toàn	Cái	1	TTKĐTBYT -BSL3 (Phòng an toàn sinh học cấp III)
78	Lò hấp nhỏ					Kiểm định	Kiểm định an toàn	Cái	3	TTKĐTBYT -BSL3 (Phòng an toàn sinh học cấp III)
79	Bình chịu áp lực (1000 lít)					Kiểm định	Kiểm định an toàn	Cái	1	TTKĐTBYT -BSL3 (Phòng an toàn sinh học cấp III)
80	Bình chịu áp lực (250 lít)					Kiểm định	Kiểm định an toàn	Cái	2	TTKĐTBYT -BSL3 (Phòng an toàn sinh học cấp III)
81	Van an toàn ruột (250 lít)					Kiểm định	Kiểm định an toàn	Cái	2	TTKĐTBYT -BSL3 (Phòng an toàn sinh học cấp III)

Stt	Tên thiết bị	MSKK	Model	Số Serial	Đặc điểm và tính năng kỹ thuật của thiết bị	Nội dung yêu cầu thực hiện dịch vụ		ĐVT	Số lượng	Khoa/Phòng/Trung tâm đề xuất
						Dịch vụ	Nội dung thực hiện dịch vụ			
82	Đồng hồ hiển thị áp suất cơ ruột tank					Kiểm định	Kiểm định an toàn	Cái	2	TTKĐTBYT -BSL3 (Phòng an toàn sinh học cấp III)
83	Bình chịu áp lực (Bình tạo hơi)					Kiểm định	Kiểm định an toàn	Cái	2	TTKĐTBYT -BSL3 (Phòng an toàn sinh học cấp III)
84	Van toàn ruột tank (Bình tạo hơi)					Kiểm định	Kiểm định an toàn	Cái	2	TTKĐTBYT -BSL3 (Phòng an toàn sinh học cấp III)
85	Đồng hồ hiển thị áp suất cơ ruột tank (Bình tạo hơi)					Kiểm định	Kiểm định an toàn	Cái	2	TTKĐTBYT -BSL3 (Phòng an toàn sinh học cấp III)
86	Đồng hồ hiển thị áp suất cơ (tủ điện đường ống)					Kiểm định	Kiểm định an toàn	Cái	1	TTKĐTBYT -BSL3 (Phòng an toàn sinh học cấp III)
87	Đồng hồ hiển thị áp suất cơ (tủ điện đường ống)					Kiểm định	Kiểm định an toàn	Cái	1	TTKĐTBYT -BSL3 (Phòng an toàn sinh học cấp III)

Stt	Tên thiết bị	MSKK	Model	Số Serial	Đặc điểm và tính năng kỹ thuật của thiết bị	Nội dung yêu cầu thực hiện dịch vụ		ĐVT	Số lượng	Khoa/Phòng/Trung tâm đề xuất
						Dịch vụ	Nội dung thực hiện dịch vụ			
88	Cân kỹ thuật	62547			Hãng sản xuất: JADEVER Phạm vi đo: 0,02kg - 2kg Sai số: 0,001kg	Hiệu chuẩn	Hiệu chuẩn tại: 0,2kg; 1kg; 2kg	Cái	1	CT&ĐVYH
89	Cân kỹ thuật				Hãng sản xuất: Vibra Shinko Phạm vi đo: 0,5g - 3200g Sai số 0,01g	Hiệu chuẩn	Hiệu chuẩn tại: 100g, 1000g, 3000g	Cái	1	CT&ĐVYH
90	Máy đo PH				Hãng sản xuất: Milwaukee Phạm vi đo: pH từ 0-14	Hiệu chuẩn	Hiệu chuẩn tại giá trị pH 4; pH 10	Cái	1	CT&ĐVYH
91	Bộ quả cân chuẩn F1				Bộ quả cân chuẩn F1 Việt Nam 21 điểm	Hiệu chuẩn	Hiệu chuẩn tại 6 điểm (100mg, 200mg, 500mg, 1g, 2g, 5g)	Bộ	1	CT&ĐVYH
92	Kính hiển Vi	1887-I-CT			Hãng sản xuất: ANTI-MOULD	Bảo trì	Thực hiện và điều chỉnh theo tính năng của hãng sản xuất. Vệ sinh thấu kính, xử lý mốc, kiểm tra ánh sáng, cân chỉnh sau khi vệ sinh	Cái	1	CT&ĐVYH
93	Kính hiển Vi	2460-DH			Hãng sản xuất: LABORLUX	Bảo trì	Thực hiện và điều chỉnh theo tính năng của hãng sản xuất. Vệ sinh thấu kính, xử lý mốc, kiểm tra ánh sáng, cân chỉnh sau khi vệ sinh	Cái	1	CT&ĐVYH
94	Kính hiển Vi	8147			Hãng sản xuất: MICROS	Bảo trì	Thực hiện và điều chỉnh theo tính năng của hãng sản xuất. Vệ sinh thấu kính, xử lý mốc, kiểm tra ánh sáng, cân chỉnh sau khi vệ sinh	Cái	1	CT&ĐVYH

Stt	Tên thiết bị	MSKK	Model	Số Serial	Đặc điểm và tính năng kỹ thuật của thiết bị	Nội dung yêu cầu thực hiện dịch vụ		ĐVT	Số lượng	Khoa/Phòng/Trung tâm đề xuất
						Dịch vụ	Nội dung thực hiện dịch vụ			
95	Kính hiển Vi	2844			Hãng sản xuất: ANTI-MOULD	Bảo trì	Thực hiện và điều chỉnh theo tính năng của hãng sản xuất. Vệ sinh thấu kính, xử lý mốc, kiểm tra ánh sáng, cân chỉnh sau khi vệ sinh	Cái	1	CT&ĐVYH
96	Kính hiển Vi	2244-CT			Hãng sản xuất: ZEISS	Bảo trì	Thực hiện và điều chỉnh theo tính năng của hãng sản xuất. Vệ sinh thấu kính, xử lý mốc, kiểm tra ánh sáng, cân chỉnh sau khi vệ sinh	Cái	1	CT&ĐVYH
97	Kính hiển Vi	2486			Hãng sản xuất: NIKON	Bảo trì	Thực hiện và điều chỉnh theo tính năng của hãng sản xuất. Vệ sinh thấu kính, xử lý mốc, kiểm tra ánh sáng, cân chỉnh sau khi vệ sinh	Cái	1	CT&ĐVYH
98	Kính soi nổi	2933-CT			Hãng sản xuất: NIKON	Bảo trì	Thực hiện và điều chỉnh theo tính năng của hãng sản xuất. Vệ sinh thấu kính, xử lý mốc, kiểm tra ánh sáng, cân chỉnh sau khi vệ sinh	Cái	1	CT&ĐVYH
99	Kính soi nổi				Hãng sản xuất: NIKON	Bảo trì	Thực hiện và điều chỉnh theo tính năng của hãng sản xuất. Vệ sinh thấu kính, xử lý mốc, kiểm tra ánh sáng, cân chỉnh sau khi vệ sinh	Cái	1	CT&ĐVYH
100	Kính soi nổi				Hãng sản xuất: NIKON	Bảo trì	Thực hiện và điều chỉnh theo tính năng của hãng sản xuất. Vệ sinh thấu kính, xử lý mốc, kiểm tra ánh sáng, cân chỉnh sau khi vệ sinh	Cái	1	CT&ĐVYH
101	Kính soi nổi				Hãng sản xuất: NIKON	Bảo trì	Thực hiện và điều chỉnh theo tính năng của hãng sản xuất. Vệ sinh thấu kính, xử lý mốc, kiểm tra ánh sáng, cân chỉnh sau khi vệ sinh	Cái	1	CT&ĐVYH

Stt	Tên thiết bị	MSKK	Model	Số Serial	Đặc điểm và tính năng kỹ thuật của thiết bị	Nội dung yêu cầu thực hiện dịch vụ		ĐVT	Số lượng	Khoa/Phòng/Trung tâm đề xuất
						Dịch vụ	Nội dung thực hiện dịch vụ			
102	Máy khuấy từ nóng					Bảo trì	Thực hiện và điều chỉnh theo tính năng của hãng sản xuất	Cái	1	CT&ĐVYH
103	Máy nghiền mẫu muối	416/CT			Hãng sản xuất: Qiagen	Bảo trì	Thực hiện và điều chỉnh theo tính năng của hãng sản xuất	Cái	1	CT&ĐVYH
104	Máy nghiền mẫu muối (Mini - BeasBeater 96)				Hãng sản xuất: BeasBeater	Bảo trì	Thực hiện và điều chỉnh theo tính năng của hãng sản xuất	Cái	1	CT&ĐVYH
105	Máy làm lạnh mẫu					Bảo trì	Thực hiện và điều chỉnh theo tính năng của hãng sản xuất	Cái	1	CT&ĐVYH
106	Máy realtime PCR					Bảo trì	- Theo dõi vấn đề bảo trì lần cuối và các vấn đề khi chạy máy (nếu có) - Kiểm tra điều kiện vận hành máy (nhiệt độ, độ ẩm, nguồn cấp áp) - Kiểm tra dữ liệu trên máy tính và backup nếu cần thiết - Vệ sinh bên ngoài thiết bị - Kiểm tra, ghi nhận số giờ đã sử dụng của đèn, thay thế (nếu cần thiết, vật tư do Viện cung cấp) - Kiểm tra màn hình, vệ sinh nếu cần thiết - Kiểm tra buồng gia nhiệt và nắp đậy, vệ sinh nếu cần thiết - Kiểm tra kính lọc màu. - Chạy chương trình chuẩn đoán thiết bị - Hiệu chuẩn thiết bị (Background, ROI, Optical, Dye)	Cái	1	CT&ĐVYH

Stt	Tên thiết bị	MSKK	Model	Số Serial	Đặc điểm và tính năng kỹ thuật của thiết bị	Nội dung yêu cầu thực hiện dịch vụ		ĐVT	Số lượng	Khoa/Phòng/Trung tâm đề xuất
						Dịch vụ	Nội dung thực hiện dịch vụ			
							- Làm sạch block nhiệt tại các vị trí phát hiện bất thường khi quét nền - Hiệu chuẩn nhiệt độ - Đánh giá lại các công việc đã thực hiện với Viện - Đánh giá lại quy trình bảo trì với Viện			
107	Máy PCR	3680.C T			Hãng sản xuất: Biorad	Bảo trì	Vệ sinh toàn bộ bên ngoài thiết bị. Kiểm tra bàn phím bằng chương trình test Kiểm tra hiển thị của màn hình Kiểm tra quạt làm mát bằng chương trình service, làm sạch Vệ sinh bụi và bản nắp nhiệt Vệ sinh bụi và bản từng giếng để mẫu trên block nhiệt Hiệu chuẩn nhiệt độ của block nhiệt Hiệu chỉnh lại nếu Block nhiệt vượt quá sai số cho phép Chạy kiểm tra máy lần cuối	Cái	1	CT&ĐVYH
108	Máy PCR				Hãng sản xuất: Biometra Tone	Bảo trì	Vệ sinh toàn bộ bên ngoài thiết bị. Kiểm tra bàn phím bằng chương trình test Kiểm tra hiển thị của màn hình Kiểm tra quạt làm mát bằng chương trình service, làm sạch Vệ sinh bụi và bản nắp nhiệt Vệ sinh bụi và bản từng giếng để mẫu trên block nhiệt Hiệu chuẩn nhiệt độ của block nhiệt Hiệu chỉnh lại nếu Block nhiệt vượt quá sai số cho phép Chạy kiểm tra máy lần cuối	Cái	1	CT&ĐVYH

Phụ lục 02

Mẫu báo giá (để nhà cung cấp tham khảo)

(Kèm theo Công văn số /PAS-VTTBYT ngày tháng năm 2025 của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh)

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của nhà cung cấp; trường hợp nhiều nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn trang thiết bị y tế và các dịch vụ khác như sau:

1. Báo giá cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn trang thiết bị y tế và các dịch vụ khác.

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền
1						
2						
...						
<u>Tổng cộng:</u>						

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày phù hợp với yêu cầu tại mục 5 của yêu cầu báo giá], kể từ ngày ... tháng... năm...[ghi ngày....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký

hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp⁽²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

